

## ĐẶC TẢ CHƯƠNG TRÌNH Y HỌC DỰ PHÒNG

### Thông tin tuyển sinh/quản lý

Tên chương trình đào tạo

### Đại học Y học dự phòng

Cấp khung bậc bằng cấp Việt Nam

Bậc 7

Các thông tin được cung cấp cho sinh viên trúng tuyển vào chương trình đào tạo:

Nơi đào tạo

Nơi giảng dạy

Trường Đại học Trà Vinh

Đại học Trà Vinh

Khoa quản lý

Khoa Y – Dược

Tên bằng cấp được cấp

Bác sĩ y học dự phòng

Mã ngành đào tạo

7720110

Phương thức tuyển sinh

- **Phương thức 1:** Xét kết quả Kỳ thi THPT quốc gia là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Điểm sàn, thường tổng điểm 3 môn khối thi  $\geq 15$ )

- **Phương thức 2:** Phương thức 2: Xét điểm trung bình chung của các môn học trong năm học lớp 12 thuộc tổ hợp môn xét tuyển. Ngưỡng điểm tối thiểu xét từ 5.0 trở lên cho các ngành bậc Đại học..

- **Phương thức 3:** Tuyển thẳng các học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế

- Các tổ hợp môn xét tuyển:

+A00: Toán – Lý – Hóa

**+B00: Toán – Hóa – Sinh****1. Thời lượng và hình thức học tập**

Chương trình	Thời gian đào tạo	Phương thức đào tạo	Thời gian bắt đầu năm học	Phương pháp dạy học	
Bác sỹ Y học dự phòng	6,0 năm	Chính quy	Tháng 10	Học trên lớp Học tại trường	

Ngôn ngữ đào tạo

Tiếng Việt

Ngôn ngữ đánh giá

Tiếng Việt

**2. Chương trình được công nhận bởi chuyên môn, luật định hay các quy định**

Theo qui định của Luật giáo dục

**3. Người quản lý chương trình đào tạo**

Nguyễn Thị Mỹ Hoà

**4. Lĩnh vực làm việc**

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc như sau:

- Các trung tâm y tế, trung tâm kiểm soát bệnh tật, các cơ sở y tế thuộc lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng.....
- Các cơ quan quản lý nhà nước về y tế như Bộ Y tế, Sở Y tế, Phòng Y tế.
- Các cơ quan tổ chức cộng đồng.
- Các tổ chức quản lý chăm sóc sức khỏe, an toàn thực phẩm.
- Các cơ sở đào tạo: Trường đại học, cao đẳng, trung cấp về y tế .
- Các cơ quan tổ chức có liên quan đến y tế.
- Các viện, trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực y học và sức khỏe.
- Các phòng chức năng của cơ sở khám chữa bệnh: Phòng kế hoạch, tổ chức – hành chính, nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyến; Các khoa của bệnh viện như: Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý chất lượng.
- Các hội, hiệp hội nghề nghiệp như: Hội Y học dự phòng, Hội Y tế công cộng, Hội Y học, Hội Kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Các tổ chức quốc tế, tổ chức chính phủ, phi chính phủ.

- Lĩnh vực y tế ở các cơ quan xí nghiệp.	
5. Mục đích và kết quả học tập	
5a. Triết lý giáo dục	
<p><i>Trường có Triết lý giáo dục: “Trên cơ sở năng lực được đào tạo phù hợp thực tế, có đạo đức, có trách nhiệm, người học sẽ phát triển cá nhân và xã hội tốt hơn”</i></p> <p><i>Triết lý giáo dục của chương trình là: “Phòng bệnh hơn chữa bệnh” . Y học dự phòng là một ngành khoa học nhân văn được coi là nghệ thuật phòng bệnh.</i></p>	
5b. Mục tiêu đào tạo	
<b>PO 1</b>	Có kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ; về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý, và điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Y học dự phòng.
<b>PO 2</b>	Có khả năng áp dụng kiến thức kỹ thuật cơ sở về Y học dự phòng vào hoạt động chuyên môn.
<b>PO 3</b>	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định
<b>PO 4</b>	Có khả năng phân biệt, phê phán; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; và chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ Y học dự phòng.
<b>PO 5</b>	Có các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề sức khỏe; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
<b>PO 6</b>	Có các kỹ năng cơ bản về ngoại ngữ, tin học để phục vụ học tập và công tác chuyên môn.
5c. Chuẩn đầu ra của chương trình	
<b>PLO1 (3K)</b>	Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ vào hoạt động nghề nghiệp.

PLO2 (3K)	Áp dụng được các kiến thức y học cơ sở và chuyên môn về Y học dự phòng trong thực hiện nhiệm vụ Bác sĩ Y học dự phòng.
PI2.1 (3K)	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh thông thường.
PI2.2 (3K)	Phát hiện, phân loại và xử trí được các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng.
PI2.3 (4K)	Giải thích được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng.
(PLO3 (3K)	Vận dụng được chính sách, pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân vào hoạt động nghề nghiệp.
PLO4 (3S)	Thực hiện khám, điều trị các bệnh thông thường và tư vấn dự phòng.
PLO5 (3S)	Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.
PLO6 (4S)	Tổ chức giáo dục sức khỏe cho cộng đồng nhằm xây dựng lối sống và hành vi có lợi cho sức khỏe.
PLO7 (4S)	Tham gia quản lý, chăm sóc tại cộng đồng như phòng chống dịch bệnh lây nhiễm, phòng chống bệnh không lây nhiễm, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và phục hồi chức năng.
PLO8 (4S)	Thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học sức khỏe.
PLO9 (5S)	Phối hợp được các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, báo cáo, tìm tài liệu, kỹ năng tin học ứng dụng trong quản lý sức khỏe toàn dân và sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để cập nhật kiến thức, đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn.
PLO10 (3A)	Tuân thủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.
PLO11 (4A)	Nhận thức được tầm quan trọng của công tác y học dự phòng trong hoạt động chăm sóc sức khỏe người dân
PLO12 (4A)	Phối hợp ý kiến của cộng đồng về các nhu cầu sức khỏe và các giải pháp can thiệp nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng.

<p>PLO13 (4A)</p>	<p>Thể hiện sự trung thực, khách quan, tinh thần cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm, vượt khó, tự học vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.</p>
<p>5.d. Các thông tin khác của chương trình</p>	
<p>i) Tham gia học</p>	
<p>Chương trình nhằm trang bị cho sinh viên những năng lực làm việc trong ngành Y học dự phòng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và thị trường lao động.</p>	
<p>ii) Tổ chức tham gia cùng đào tạo</p>	
<p>Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt dân tộc, giới tính, tình trạng khuyết tật.</p>	
<p>6. Quy định chương trình</p>	
<p>iii) Tính quốc tế hóa</p>	
<p>Chương trình nhằm trang bị cho SV những năng lực làm việc trong ngành Y học dự phòng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động Việt Nam và khu vực          Chương trình có các sinh viên trong khu vực ASEAN tham gia học tập. Sinh viên được tham gia các hoạt động giao lưu học thuật quốc tế theo chuyên đề tại các nước trong khu vực. Bên cạnh đó nhà trường có các hoạt động giao lưu quốc tế tạo môi trường giao tiếp đa văn hóa.</p>	
<p>iv) Khả năng nâng cao trình độ</p>	
<p>Tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn về ngành Y học dự phòng trong và ngoài nước.          - Học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.          - Học trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II) ngành Y học dự phòng, Y tế công cộng, Dịch tễ học, Quản lý y tế và một số ngành liên quan tại các trường trong và ngoài nước.</p>	
<p>7.a. Cấu trúc chương trình</p>	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết		Thực hành		Giờ Tự học và giờ học khác	Ghi chú
				Tín chỉ	Số giờ	Tín chỉ	Số giờ		
<b>• HỌC KỲ I</b>									
1.		<i>Giáo dục thể chất 1*</i>	1	0	0	1	30	20	
2.		<i>Giáo dục Quốc phòng-An ninh</i>	8 tín chỉ						
3.		Triết học Mác – Lênin	3	3	45	0	0	105	
4.		Hóa học	4	3	45	1	30	125	
5.		Sinh học và Di truyền	4	3	45	1	30	125	
6.		Giải phẫu 1	3	2	30	1	30	90	
7.		Anh văn không chuyên 1	3	2	30	1	30	90	
8.		Pháp luật đại cương	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>14</b>	<b>255</b>	<b>5</b>	<b>150</b>	<b>590</b>	
<i>Chưa kể GDTC&amp;GDQP</i>									
<b>• HỌC KỲ II</b>									
9.		<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	1	0	0	1	30	20	

10.		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	30	0	0	70	
11.		Vật lý và Lý sinh	3	2	30	1	30	90	
12.		Giải phẫu 2	3	2	30	1	30	90	
13.		Anh văn không chuyên 2	4	2	30	2	60	110	
14.		Sinh lý 1	2	1	15	1	30	55	
15.		Hoá sinh	3	2	30	1	30	90	
16.		Kỹ năng mềm	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>12</b>	<b>180</b>	<b>7</b>	<b>210</b>	<b>580</b>	
			<i>Chưa kể GDTC</i>						

**• HỌC KỲ III**

<b>1. Các học phần bắt buộc:</b>			<b>17</b>	<b>12</b>	<b>210</b>	<b>5</b>	<b>150</b>	<b>520</b>	
17.		<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>30</i>	<i>20</i>	
18.		Anh văn không chuyên 3	3	2	30	1	30	90	
19.		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	30	0	0	70	
20.		Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	90	
21.		Mô phôi	3	2	30	1	30	90	
22.		Vi sinh	3	2	30	1	30	90	
23.		Sinh lý 2	3	2	30	1	30	90	

<b>1. Các học phần tự chọn:</b>			<b>2</b>	<b>1</b>	<b>15</b>	<b>1</b>	<b>30</b>	<b>55</b>	
24.		Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	1	15	1	30	55	12 giờ BV
25.		Sinh học phân tử	2	1	15	1	30	55	
26.		Kỹ thuật y tế trường học	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>13</b>	<b>225</b>	<b>6</b>	<b>180</b>	<b>575</b>	
			<i>Chưa kể GDTC</i>						

<b>• HỌC KỲ IV</b>									
27.		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30	0	0	70	
28.		Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	2	30	0	0	70	
29.		Tin học ứng dụng cơ bản	3	1	15	2	60	75	
30.		Huấn luyện kỹ năng 1	1	0	0	1	40	10	
31.		Anh văn không chuyên 4	3	2	30	1	30	90	
32.		Dược lý	5	4	60	1	40	150	
33.		Chẩn đoán hình ảnh	3	2	30	1	60	70	
<b>Tổng cộng</b>			<b>19</b>	<b>13</b>	<b>195</b>	<b>6</b>	<b>230</b>	<b>535</b>	



**• HỌC KỲ V**

34.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	30	0	0	70	
35.	Giải phẫu bệnh	3	2	30	1	30	90	
36.	Huấn luyện kỹ năng 2	1	0	00	1	40	10	
37.	Nội cơ sở 1	4	2	30	2	120	70	
38.	Ngoại cơ sở 1	4	2	30	2	120	70	
39.	Điều dưỡng cơ bản	3	1	15	2*	100*	35	
<b>Tổng cộng</b>		<b>17</b>	<b>9</b>	<b>135</b>	<b>8</b>	<b>410</b>	<b>345</b>	

*\*2 tín chỉ thực hành điều dưỡng cơ bản: 1 tín chỉ thực hành labo 40 giờ + 1 tín chỉ thực hành BV 60 giờ*

**• HỌC KỲ VI**

40.	Xác suất - Thống kê y học	2	1	15	1	30	55	
41.	Nội cơ sở 2	4	2	30	2	120	70	
42.	Ngoại cơ sở 2	4	2	30	2	120	70	
43.	Huấn luyện kỹ năng 3	1	0	0	1	40	10	
44.	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	1	15	1	30	55	
45.	Anh văn chuyên ngành y học dự phòng	2	2	30	0	0	70	

<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>8</b>	<b>150</b>	<b>7</b>	<b>340</b>	<b>330</b>	
<b>• HỌC KỶ VII</b>									
46.		Dân số học	1	1	15	0	0	35	
47.		Nội bệnh lý	4	2	30	2	120	70	
48.		Phụ sản 1	4	2	30	2	120	70	
49.		Nhi khoa 1	4	2	30	2	120	70	
50.		Dịch tễ học cơ bản	2	1	15	1	30	55	
51.		Tổ chức và quản lý y tế	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>	<b>9</b>	<b>135</b>	<b>8</b>	<b>420</b>	<b>355</b>	
<b>• HỌC KỶ VIII</b>									
<b>1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>14</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>8</b>	<b>520</b>	<b>210</b>	
52.		Phụ sản 2	4	2	30	2	120	70	
53.		Nhi khoa 2	4	2	30	2	120	70	
54.		Ngoại bệnh lý	4	2	30	2	120	70	
55.		Thực tập cộng đồng 1	2	0	0	2	160		
		<i>Các học phần tự chọn (chọn 3 học phần trong 6 học phần sau đây:)</i>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>3</b>	<b>90</b>	<b>165</b>	

56.		Tâm lý y học – Đạo đức y học	2	1	15	1	30	55	
57.		Y đức - Xã hội học	2	1	15	1	30	55	
58.		Các chương trình và chiến lược quốc gia về y tế	2	1	15	1	30	55	
59.		Miễn dịch và vắc xin	2	1	15	1	30	55	
60.		Nghiên cứu định tính	2	1	15	1	30	55	
61.		Nhân học và xã hội học sức khỏe	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>20</b>	<b>9</b>	<b>135</b>	<b>11</b>	<b>610</b>	<b>375</b>	

**• HỌC KỲ IX**

62.		Phục hồi chức năng	2	1	15	1	60	35	
63.		Truyền nhiễm	4	2	30	2	120	70	
64.		Pháp y	2	2	30	0	0	70	
65.		Tâm thần	2	1	15	1	60	35	
66.		Da liễu	2	1	15	1	60	35	
67.		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học	3	2	30	1	30	90	

68.		Các kỹ năng chẩn đoán cộng đồng	2	1	15	1	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>	<b>10</b>	<b>150</b>	<b>7</b>	<b>360</b>	<b>390</b>	

**• HỌC KỲ X**

69.		Tai mũi họng	2	1	15	1	60	35	
70.		Mắt	2	1	15	1	60	35	
71.		Răng hàm mặt	2	1	15	1	60	35	
72.		Y học cổ truyền	2	1	15	1	60	35	
73.		Tin học ứng dụng trong y học	2	1	15	1	30	55	
74.		Dịch tễ học bệnh không lây	2	1	15	1	30	55	
75.		Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm	2	1	15	1	30	55	
76.		Thực tập cộng đồng 2	2	0	0	2	160		
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>7</b>	<b>105</b>	<b>9</b>	<b>490</b>	<b>305</b>	

**• HỌC KỲ XI**

<b>1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>8</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>120</b>	<b>220</b>	
77.		Y học gia đình	2	1	15	1	30	55	

78.		Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	2	1	15	1	30	55	
79.		Sức khỏe môi trường	2	1	15	1	30	55	
80.		Sức khỏe nghề nghiệp	2	1	15	1	30	55	
<b>2. Các học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 học phần trong mỗi nhóm sau:)</b>			<b>8</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>120</b>	<b>220</b>	
<b>Tự chọn 1: LT: 1; TH: 1</b>									
81.		Dinh dưỡng học cơ bản và xây dựng khẩu phần dinh dưỡng	2	1	15	1	30	55	
82.		Ung thư	2	1	15	1	30	55	
83.		Bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm	2	1	15	1	30	55	
84.		Quản lý an toàn thực phẩm	2	1	15	1	30	55	
<b>Tự chọn 2: LT: 1; TH: 1</b>									
85.		Một sức khỏe và sức khỏe sinh thái	2	1	15	1	30	55	
86.		Công tác xã hội trong bệnh viện	2	1	15	1	30	55	
87.		Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	2	1	15	1	30	55	

88.		Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe	2	1	15	1	30	55	
<b>Tự chọn 3: LT: 4; TH: 4</b>									
89.		Thống kê dân số y tế	2	1	15	1	30	55	
90.		Kinh tế dân số y tế	2	1	15	1	30	55	
91.		Chính sách dân số	2	1	15	1	30	55	
92.		Thống kê y sinh học thực hành	2	1	15	1	30	55	
<b>Tự chọn 4: LT: 1; TH: 1</b>									
93.		Các xét nghiệm y học dự phòng cơ bản	2	1	15	1	30	55	
94.		Thiết kế đánh giá chương trình y tế	2	1	15	1	30	55	
95.		Y học thảm họa	2	1	15	1	30	55	
96.		Lao	2	1	15	1	60	35	BV
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>8</b>	<b>120</b>	<b>8</b>	<b>240</b>	<b>440</b>	
<b>• HỌC KỲ XII</b>									
97.		Thực tập cộng đồng 3	2	0	0	2	160		4 tuần
98.	<b>TH1</b>	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	0	7	10 tuần		10 tuần

<b>TH2</b>	Hoặc học học phần thay thế:	7	4	60	3	90	200	
	<i>Điều tra một vụ dịch</i>	2	1	15	1	30	55	
	<i>Quản lý dự án y tế</i>	2	1	15	1	30	55	
	<i>Quản lý nguy cơ sinh học</i>	3	2	30	1	30	90	
<b>Tổng cộng</b>		<b>9</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>160</b>		
		<i>Chưa kể THTN</i>						

7.c. Thiết kế đánh giá chương trình

7.c. Thiết kế đánh giá chương trình

i) Liên hệ với giảng viên

Chương trình Bác sỹ Y học dự phòng được thiết kế 203 tín chỉ, 128 lý thuyết, 75 thực hành. Về lý thuyết ngoài học trực tiếp trên lớp, sinh viên còn tự học tự nghiên cứu thông qua các kênh như: E-learning, làm bài tập, thảo luận nhóm, báo cáo thuyết trình... Về thực hành ngoài việc học trên các phòng thí nghiệm của trường dưới sự hướng dẫn trực tiếp từ giảng viên thì chương trình còn thiết kế các học phần thực tập lâm sàng tại các bệnh viện trong và ngoài tỉnh để sinh viên có cơ hội áp dụng lý thuyết vào thực hành lâm sàng thông qua học tập trải nghiệm về nghề nghiệp. Hơn nữa sinh viên còn được học bằng project.

ii) Tự học tập và nghiên cứu của sinh viên

Về nguồn tài nguyên trực tuyến E - learning, sinh viên có thể chủ động thời gian học, học mọi lúc mọi nơi. Có môi trường trao đổi học tập trực tuyến, được sự giám sát và phản hồi trực tiếp từ giảng viên. Ngoài ra, sinh viên có thể chủ động tìm kiếm tài liệu, tự học và nghiên cứu tại Trung tâm học liệu của Trường.

Các học phần chuyên môn về kỹ năng thực hành về hóa sinh, huyết học, truyền máu, vi sinh, ký sinh trùng và phân tích tế bào học tại phòng thí nghiệm, thực hành lâm sàng tại bệnh viện trong và ngoài tỉnh với sự giám sát, giảng dạy của đội ngũ giảng viên hướng dẫn lâm sàng nhiều kinh nghiệm cung cấp cho sinh viên cơ hội để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp và trải nghiệm thực tế nghề nghiệp trong môi trường chăm sóc đa dạng.

**8. Giảng viên giảng dạy**

Chương trình Bác sỹ Y học dự phòng Trường Đại học Trà Vinh có sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia đến từ bệnh viện, viện nghiên cứu và các trường đào tạo khối ngành khoa học sức khỏe tại Việt Nam. Các chuyên gia đến từ nhiều đơn vị khác

nhau, chẳng hạn như: tại tỉnh Trà Vinh (BVĐK tỉnh, BV Sản Nhi) ngoài tỉnh Trà Vinh (, BV Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre, Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang, Viện Pasteur Tp.HCM, Đại học Y Dược Tp.HCM).

Dựa trên nhu cầu của chương trình đào tạo, Khoa Y – Dược đã triển khai hiệu quả mô hình đào tạo kết hợp Trường – Bệnh Viện; giảng viên tham gia giảng dạy lý thuyết và thực tập lâm sàng trong chương trình Bác sỹ y học dự phòng đến từ các bệnh viện, các trường Đại học đều có kinh nghiệm giảng dạy lâm sàng và có chứng chỉ hành nghề tại cơ sở y tế trên 3 năm. Khoa Y – Dược hàng năm thường xuyên mở các lớp cập nhật kiến thức y khoa liên tục và tổ chức các khoá huấn luyện phương pháp giảng dạy lâm sàng cho người hướng dẫn lâm sàng. Họ tích cực giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của học sinh dựa trên các quy định như điểm, phiếu tự đánh giá, sản phẩm, ...

## 9. Học tập qua trải nghiệm

### 9.a. Chương trình bắt buộc sinh viên phải học tập trải nghiệm tại các cơ sở y tế

Chương trình cung cấp cơ hội học tập thông qua hoạt động thực tập lâm sàng tại các cơ sở y tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên giảng dạy lâm sàng giàu kinh nghiệm, phẩm chất đạo đức tốt và tâm huyết với nghề.

### 9.b. Hỗ trợ cho sinh viên trong việc học tập qua trải nghiệm

Học lâm sàng thực tế thông qua thực hành chăm sóc bệnh nhân toàn diện, phối hợp nhóm hiệu quả trong liên ngành để đạt được mục tiêu đề ra ở các cơ sở y tế là bắt buộc. Sinh viên phải hoàn thành các học phần này để học tiếp các học phần tiếp theo

### 9.c. Chi tiết ngắn gọn về bản chất của học tập dựa trên công việc

1. Thực hành lâm sàng tại các bệnh viện, thực hành trên phòng thí nghiệm
2. Thực tập cộng đồng

### 9.d. Ai sẽ chịu trách nhiệm tìm nguồn cung ứng và sắp xếp vị trí?

Khoa phụ trách quan hệ với các cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh, để thiết lập và hợp tác với các cơ sở y tế trong quá trình đào tạo. Khoa có kế hoạch học tập tại các cơ sở y tế và gửi sinh viên trước khi bước vào học kỳ thực tập. Dựa trên mạng lưới hơn 40 bệnh viện từ hạng III đến hạng I, các Sở Y tế và các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo khối ngành Khoa học sức khoẻ trong tỉnh và ngoài tỉnh. Đặc biệt, sinh viên có cơ hội được lựa chọn và trải nghiệm học tập các học phần thực tập lâm sàng và trải nghiệm học kỳ hè thông qua các chương trình hợp tác và trao đổi sinh viên học tập tại Nhật Bản, Đài Loan, Phillipin theo nhu cầu của sinh viên. Đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên trách, thực tập cộng đồng và thực tập lâm sàng được xem xét dựa trên các tiêu chuẩn theo quy định của Ngành đào tạo, đều có chứng chỉ, có phương pháp giảng dạy lâm sàng, phần lớn trên 3 năm kinh nghiệm và có lòng yêu nghề. Bộ môn chọn khoa lâm sàng tại các cơ sở y tế phù hợp với nội dung thực tập và điều kiện cơ sở thực hành theo quy định của Bộ Y tế. Mỗi ngày, sinh viên phải báo cáo hoạt động tại cơ sở y tế với giảng viên hướng dẫn lâm sàng; hàng tuần, giảng viên hướng dẫn lâm sàng phải báo cáo tiến độ và hoạt động tại cơ sở y tế cho bộ môn, Bộ môn báo cáo tiến độ học tập cho



Khoa chuyên môn trong họp giao ban khoa hàng tuần và hàng tháng. Khi kết thúc mô-đun thực tập lâm sàng, sinh viên nộp báo cáo đầy đủ theo yêu cầu nội dung môn học và trình bày kết quả cho hội đồng.

9.e. Thời gian học tập dựa trên công việc là gì?

Thời gian học thông qua hoạt động thực tập lâm sàng tại cơ sở y tế ít nhất là 4 tuần cho mỗi mô-đun

9.f. Học tập dựa trên công việc sẽ được đánh giá như thế nào?

Ngoài việc trở thành một thực tập sinh thực tập tại các khoa lâm sàng trong các cơ sở y tế, sinh viên cũng phải thực hiện chủ đề thực tế được đưa ra bởi các chuyên gia tại cơ sở y tế. Kết quả của các mô-đun này là sự tham gia của người hướng dẫn tại cơ sở y tế, người hướng dẫn và hội đồng 3 thành viên. Điểm số là điểm trung bình của trên 5 điểm, theo các thành phần: Điểm của quá trình thực tập tại cơ sở y tế, điểm làm việc với người hướng dẫn, điểm sản phẩm và báo cáo chủ đề

10. Học sinh tham gia phát triển chương trình

Các sinh viên hiện tại và / hoặc cựu sinh viên tham gia vào việc phát triển đề xuất / chương trình này như thế nào?

Sinh viên được phép đóng góp ý kiến để cải thiện chương trình thông qua các cuộc khảo sát và các cuộc họp thường xuyên và đột xuất của Bộ môn với sinh viên. Phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy của các giảng viên trong từng môn học được thu thập thông qua các hình thức đánh giá trực tiếp hoặc trực tuyến ở cuối mỗi môn học. Phản hồi về phương pháp giảng dạy của người tạo mẫu được thực hiện thông qua khảo sát hàng năm

11. Thay đổi chương trình

Chuyển đến chương trình sẽ được? (vui lòng chọn Có/Không)

Có

Di chuyển ra khỏi chương trình sẽ được? (vui lòng chọn Có/Không)

Không

12. Chất lượng và tiêu chuẩn

Trường có một khuôn khổ để đảm bảo rằng các tiêu chuẩn của các chương trình được duy trì và chất lượng của trải nghiệm học tập được nâng cao.

Các quy trình nâng cao và đảm bảo chất lượng bao gồm:

- Sự giám sát học tập của các chương trình đào tạo trong các phòng ban của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, bao gồm đại diện sinh viên

- Sự giám sát các chương trình của các giám khảo bên ngoài, những người đảm bảo rằng các tiêu chuẩn tại Trường Đại Học Trà Vinh tương đương với các chương trình khác trong ngành
- Giám sát hàng năm và đánh giá định kỳ các chương trình, việc tiếp thu thông tin phản hồi từ sinh viên của các khoa và thông qua Khảo sát sinh viên quốc gia.

13. Ngày cập nhật: **28/02/2022**

**14. Ma trận cho thấy kết quả học tập của chương trình đạt được như thế nào qua các khóa học**

Introduced (I): Giới thiệu  
 Reinforced (R): Sử dụng  
 Mastered (M): Thành thạo

**Ma trận sự đóng góp của môn học cho ELOs**

Học kỳ	Học phần	Ma trận các học phần – Chuẩn đầu ra CTĐT																
		PLO1 (3K)	PLO2 (3K)	PI2.1 (3K)	PI2.2 (3K)	PI2.3 (4K)	PLO3 (3K)	PLO4 (3S)	PLO5 (3S)	PLO6 (4S)	PLO7 (4S)	PLO8 (4S)	PLO9 (5S)	PLO10 (3A)	PLO11 (4S)	PLO12 (4S)	PLO13 (4S)	
I	Giáo dục thể chất 1*	I TUA																I TA
	Giáo dục Quốc phòng – An ninh*	I TUA																
	Triết học Mác – Lênin	I TUA												I TU				
	Hóa học	I TUA																I TU
	Sinh học và Di truyền	I TUA											I TUA					I TU

	Giải phẫu 1		I TUA										I TUA				I TU
	Anh văn không chuyên 1	I TUA															I TU
	Pháp luật đại cương	I TUA				I TUA								I TU			I TU
<b>II</b>	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	I TUA															I TA
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	I TUA				I TUA								I TU			
	Vật lý và Lý sinh	I TUA	I TA					I TA					I U				I U
	Giải phẫu 2		I TUA					I TUA					I TUA		I TU		I TU
	Anh văn không chuyên 2	I TUA											I TU				I TUA
	Sinh lý 1	I TUA	I TUA												I TU		I TU
	Hóa sinh	I TUA	I TUA														I TU
	Kỹ năng mềm		I TUA				I TUA						I TUA		I TU	I TU	I TU
<b>III</b>	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	I TUA															I TA
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I TUA				I TUA								I TU			
	Ký sinh trùng		I TUA												I TU	I TU	I TU
	Mô phôi	I TUA	I TUA												I TU		I TU
	Vi sinh		I TUA					I TUA									I TU
	Sinh lý 2	I TUA	I TUA				I TUA				I TUA				I TU		I TU
	Anh văn không chuyên 3	I											I				I

		TUA										TUA				TU		
TC	Kiểm soát nhiễm khuẩn	R TUA	R TUA				R TUA			R TUA	R TUA	R TUA	R TUA		R TU		R TU	
	Sinh học phân tử		I TUA														I TU	
	Kỹ thuật y tế trường học		R TUA		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA			R TUA		R TUA		R TUA			
IV	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I TUA											I TU					
	Sinh lý bệnh – Miễn dịch		I TUA													I TU		
	Tin học ứng dụng cơ bản	I TUA											I TU				I TU	
	Huấn luyện kỹ năng 1		IR TUA														IR TU	
	Anh văn không chuyên 4	I TUA															I TU	
	Chẩn đoán hình ảnh	M TUA	M TUA	M TUA				M TUA		M TUA	M TUA		M TUA				M UA	
	Dược lý		R TUA															R TU
V	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I TUA											I TU					
	Giải phẫu bệnh		R TUA															R TU
	Huấn luyện kỹ năng 2		R TUA															R TU
	Nội cơ sở 1	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU	
	Ngoại cơ sở 1	M TUA	M TUA				M TUA	M TUA				M U	M U					M T
	Điều dưỡng cơ bản	R TUA	R TUA						R TUA	R TUA	R TUA						R TU	R TU
VI	Nội cơ sở 2	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU	

	Ngoại cơ sở 2	M TUA	M TUA				M TUA	M TUA				M U	M U				M U			
	Anh văn chuyên ngành y học dự phòng		I TUA										I TUA					I TU		
	Xác suất – Thống kê y học	I TUA																		
	Huấn luyện kỹ năng 3		R TUA															R TU		
	Giáo dục và nâng cao sức khỏe		R TUA						R TUA					R TUA						
<b>VII</b>	Nội bệnh lý	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA			M TU	M TU	M TU	M TU	M TU		
	Dân số học		R TUA				R TUA		R TUA	R TUA			R TUA		R TU	R TU	R TU	R TU		
	Phụ sản 1		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA							M TU			M TU		
	Nhi khoa 1		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA							M TU			M TU		
	Dịch tễ học cơ bản		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA	R TUA		R TUA	R TUA	R TUA								R TU	
	Tổ chức và quản lý y tế	M TUA	M TUA				M TUA		M TUA					M TUA	M UA				M UA	
<b>VIII</b>	Phụ sản 2		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA							M TU			M TU		
	Nhi khoa 2		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA							M TU			M TU		
	Ngoại bệnh lý	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA				M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		
	Thực tập cộng đồng 1		M TUA		M TUA	M TUA			M TUA	M TUA	M TUA		M TUA		M TU			M TU		
<b>TC</b>	Tâm lý y học – Đạo đức y học	I TUA							I TUA									I TU	I TU	
	Y đức - Xã hội học	I TUA													I TU			I TU		

	Các chương trình và chiến lược quốc gia về y tế	M TUA	M TUA				M TUA		M TUA	M TUA	M TUA		M TUA			M TU	M TU	
	Miễn dịch và vắc xin		M TUA				M TUA		M TUA	M TUA			M TUA		M TU			
	Nghiên cứu định tính	M TUA	M TUA				M TUA					M TUA	M TUA			M TU	M TU	
	Nhân học và xã hội học sức khỏe		M TUA			M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU	
IX	Phục hồi chức năng	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA				M TUA	M TUA		M TUA	M TU	M TU			
	Truyền nhiễm		M TUA								M TUA		M TUA					M TU
	Pháp y		M TUA			M TUA								M TU	M TU			M TU
	Tâm thần		M TUA					M TUA						M TU				M TU
	Da liễu		M TUA					M TUA							M TU			M TU
	Phương pháp NCKH trong y học	M TUA											M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU
	Các kỹ năng chẩn đoán cộng đồng		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA	R TUA		R TUA	R TUA	R TUA							R TU
X	Tai mũi họng		M TUA					M TUA										M TU
	Mắt		M TUA					M TUA										M TU
	Răng hàm mặt	M TUA	M TUA				M TUA		M TUA				M TUA		M TU			M TU
	Y học cổ truyền		M TUA					M TUA										M TU
	Dịch tễ học bệnh không lây	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA			M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU
	Tin học ứng dụng trong y học		M TUA											M TUA				M TU

	Dinh dưỡng và ATVS thực phẩm		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU			
	Thực tập cộng đồng 2		M TUA		M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU	
<b>XI</b>	Y học gia đình		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA			M TU				M TU
	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU	
	Sức khỏe môi trường		M TUA		M TUA	M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA		M TUA		M TU			M TU
	Sức khỏe nghề nghiệp		M TUA		M TUA	M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA		M TUA		M TU	M TU	M TU	
<b>TC 1</b>	Dinh dưỡng học cơ bản và xây dựng khẩu phần dinh dưỡng	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA			M TUA				M TUA				M TU	
	Ung thư		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA							M TU
	Bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm	M TUA						M TUA							M TU			M TU
	Quản lý an toàn thực phẩm		M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA		M TU			M TU
<b>TC 2</b>	Một sức khỏe và sức khỏe sinh thái		M TUA			M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU	
	Công tác xã hội trong bệnh viện		M TUA				M TUA		M TUA	M TUA			M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU	
	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội		M TUA				M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU	
	Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe		M TUA				M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU	
<b>TC 3</b>	Thống kê dân số y tế		M TUA			M TUA		M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU		

	Kinh tế dân số y tế		M TUA				M TUA					M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU
	Chính sách dân số		M TUA				M TUA				M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU
	Thống kê y sinh học thực hành	M TUA	M TUA				M TUA					M TUA	M TUA			M TU	M TU
TC 4	Các xét nghiệm y học dự phòng cơ bản	M TUA	M TUA				M TUA										M TU
	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	M TUA	M TUA		M TUA	M TUA			M TUA				M TUA			M TU	M TU
	Y học thảm họa		M TUA			M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA		M TU	M TU	M TU
	Lao		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA						M TU			M TU
XII	Thực tập cộng đồng 3		M TUA					M TUA	M TUA	M TUA	M TUA		M TUA		M TU		M TU
	Đồ án tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp		M TUA			M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU
	Điều tra một vụ dịch		M TUA		M TUA	M TUA	M TUA				M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU	M TU	M TU
	Quản lý dự án y tế		M TUA			M TUA			M TUA		M TUA	M TUA	M TUA	M TU	M TU		M TU
	Quản lý nguy cơ sinh học		M TUA			M TUA	M TUA		M TUA	M TUA	M TUA		M TUA				M TU

❖ **PI (Program indicators):** Các nội hàm chính, quan trọng của PLO; các tuyên bố hỗ trợ cho PLO; công cụ để thể hiện các kết quả cụ thể kỳ vọng người học sẽ đạt được PLO. Các PI phải đo lường, đánh giá được và được xây dựng từ nội hàm của PLO tương ứng. Trường hợp PLO chỉ có 1 nội hàm duy nhất thì không cần xây dựng PI đối với PLO đó.

❖ **Trình độ năng lực của PLO:** Yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động, về mức độ thành thạo/thuần thục của sinh viên tốt nghiệp đối với từng PLO. Dữ liệu này lấy ra từ kết quả khảo sát PLO.



<b>Trình độ năng lực (theo thang đo Bloom)</b>		
<b>CĐR về nhận thức (K)</b> (kiến thức và lập luận)	<b>CĐR về Kỹ năng tâm vận (S)</b> (các kỹ năng đòi hỏi sự vận động và thao tác)	<b>CĐR về Thái độ (A)</b> (thái độ và giá trị của người học)
<b>1</b> (0.0 – 2.0): Có biết qua/có nghe qua	<b>1</b> (0.0 – 2.0): Có thể bắt chước	<b>1</b> (0.0 – 2.0): Thể hiện sự lắng nghe và tiếp nhận ý kiến của người khác
<b>2</b> (2.0 – 3.0): Có hiểu biết/có thể tham gia	<b>2</b> (2.0 – 3.0): Có thể thực hiện theo chỉ dẫn	<b>2</b> (2.0 – 3.0): Thể hiện sự sẵn sàng thay đổi ý thức, hành vi
<b>3</b> (3.0 – 3.5): Có khả năng ứng dụng	<b>3</b> (3.0 – 3.5): Có thể thực hiện thuần thục	<b>3</b> (3.0 – 3.5): Thể hiện sự tôn trọng một giá trị đạo đức
<b>4</b> (3.5 – 4.0): Có khả năng phân tích (S)	<b>4</b> (3.5 – 4.5): Có thể phối hợp nhiều kỹ năng để thực hiện công việc	<b>4</b> (3.5 – 4.5): Có khả năng liên hệ, tổng hợp và hệ thống các giá trị đạo đức
<b>5</b> (4.0 – 4.5): Có khả năng đánh giá (S)	<b>5</b> (4.5 – 5.0): Có thể thực hiện kỹ năng/công việc như một phản xạ tự nhiên.	<b>5</b> (4.5 – 5.0): Thể hiện tính cách/thái độ/giá trị bản thân đã được định hình/thay đổi.
<b>6</b> (4.5 – 5.0): Có khả năng tổng hợp/sáng tạo (S)		

❖ **Mức độ đóng góp của các học phần vào việc đạt được các PLO/PI:**

- **I** (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- **R** (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở những học phần này người học có nhiều cơ hội thực hành, thí nghiệm, thực tế ...
- **M** (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI.

❖ **TUA:**

- **T** (Teach): Học phần có dạy các nội dung liên quan trực tiếp đến PLO/PI.
- **U** (Utilize): Học phần có cho người học vận dụng kiến thức/Thực hành kỹ năng liên quan trực tiếp đến PLO/PI.
- **A** (Assess): Học phần có bài kiểm tra đánh giá (cho điểm) kiến thức/kỹ năng liên quan trực tiếp đến PLO/PI.

**MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN**

**1. Giáo dục thể chất 1.**

*Điều kiện tiên quyết: không có*

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về môn Điền kinh, phán đoán, phản xạ, linh hoạt và nâng cao thể chất.

Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phối hợp vận động, thực hiện đúng các điều lệnh tập hợp đội hình đội ngũ.

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về thể thao quần chúng và thể thao chuyên nghiệp. Qua đó giúp sinh viên định hướng học tập, rèn luyện theo năng lực của bản thân.

## **2. Giáo dục thể chất 2**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về môn Cầu lông. Đồng thời rèn luyện cho người học các kỹ năng phối hợp như vận động, phán đoán, phản xạ, linh hoạt và nâng cao thể chất. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về tinh thần trách nhiệm trong công việc và tầm quan trọng của làm việc theo nhóm.

## **3. Giáo dục thể chất 3**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.*

Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn bóng chuyền, đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn bóng chuyền. Biết lựa chọn các bài tập môn bóng chuyền đã học để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.

## **4. Giáo dục Quốc phòng – An ninh**

*Điều kiện tiên quyết: không có*

Sau khi học xong chương trình giáo dục Quốc phòng và an ninh sinh viên có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn. (Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

## **5. Triết học Mác – Lênin**

*Điều kiện tiên quyết: không có*

Học phần trang bị kiến thức về được những vấn đề cơ bản của triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội nói chung, triết học Mác – Lênin nói riêng. Phân tích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin; Nhận thức được triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Liên hệ thực tế những vấn đề có liên quan đến môn triết học Mác – Lênin; Xây dựng thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác; Xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, vận dụng sáng tạo triết học Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong thời kỳ mới; Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, nâng cao tư duy phản biện, biết phát hiện và xử lý những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.

## **6. Hóa học**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, phân tử, các tính chất hóa lý của các hợp chất hữu cơ và vô cơ, các phương pháp điều chế, tổng hợp các hợp chất hóa học. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm cần thiết trong phạm vi môn học. Học phần giúp sinh viên hình thành thái độ và nhận thức đúng đắn về mối liên kết giữa thực tiễn, cơ sở ngành với môn Hóa học.

## **7. Sinh học và Di truyền**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Nội dung gồm các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử); Cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người; nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người; chỉ định và thực hiện được một số xét nghiệm di truyền y học, tư vấn một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp.

## **8. Giải phẫu 1**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Giải phẫu học là môn học nghiên cứu về hình thái và cấu tạo cơ thể. Đây là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành y học dự phòng, tuy nhiên không như những môn thuộc khối y cơ sở khác, giải phẫu học được xem là môn cơ sở của các môn cơ sở. Giải phẫu học theo chương trình hiện tại được chia thành 2 học phần.

Ở học phần giải phẫu 1 tập trung vào hướng dẫn cho sinh viên những cấu trúc giải phẫu về đại cương tứ chi, đầu mặt cổ và thân kinh trung ương, học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu rõ cấu trúc của các cơ quan này qua đó xác định chính xác vị trí các

cấu trúc đó trên mô hình, tranh vẽ, các tiêu bản xương, xác và dân tập xác định trên cơ thể người sống nhằm tiếp cận với quá trình thăm khám hỗ trợ cho các môn học lâm sàng liên quan..

### **9. Anh văn không chuyên 1**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần này giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn và một số điểm ngữ pháp khác như giới từ, mạo từ,... Học phần còn giúp trang bị cho người học vốn từ vựng và kỹ năng giao tiếp cơ bản về các chủ đề quen thuộc như tình bạn, mua sắm, ăn, uống, giải trí, du lịch, thể thao, sức khỏe và văn hóa Anh, Mỹ qua kênh nói, viết (ngôn ngữ phát sinh), nghe và đọc (ngôn ngữ tiếp nhận). Ngoài ra học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ, nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học để làm nền tảng cho việc học tập các học phần sau và phục vụ cho chuyên môn của người học sau này.

### **10. Pháp luật đại cương**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về Nhà nước và Pháp luật, từ đó vận dụng những hiểu biết về Nhà nước và Pháp luật vào đời sống thực tiễn. Sau khi học xong môn học này sinh viên sẽ đạt được những kiến thức về nguồn gốc, nhận thức chung về Nhà nước; những vấn đề cơ bản Pháp luật; những vấn đề chung về Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Nội dung, đặc điểm quy phạm và vi phạm Pháp luật; tổng quan về hệ thống pháp luật Việt.

### **11. Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

*Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin*

Học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức về những tri thức cơ bản về sự ra đời và phát triển của môn học kinh tế chính trị Mác – Lênin; Phân tích được nguồn gốc thực sự của giá trị, giá trị thặng dư, lợi nhuận và các hình thức biểu hiện của lợi nhuận trong kinh tế thị trường; Hiểu được những vấn đề cơ bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường, sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam; Lý giải được tính khách quan của cạnh tranh, độc quyền và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường; xu hướng khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế của thời đại; Nhận thức được nội dung khoa học của môn kinh tế chính trị Mác – Lênin và ý nghĩa của môn học đối với bản thân mỗi người lao động cũng như quản lý khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; Những tri thức của kinh tế chính trị Mác – Lênin giúp tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự nhận thức đúng các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung; Xây dựng nền tảng tư tưởng cộng sản cho những người lao động tiến bộ và yêu

chuộng tự do, yêu chuộng hòa bình; củng cố niềm tin vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Kinh tế chính trị Mác – Lênin góp phần xây dựng thế giới quan khoa học về việc xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp, hướng tới giải phóng con người, xóa bỏ dần những áp bức, bất công giữa con người với con người.

## **12. Vật lý và lý sinh**

*Điều kiện tiên quyết: Không.*

*Học phần song hành: Hóa học, Sinh học và Di truyền*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chuyên ngành Y đa khoa, Răng hàm mặt và Y học dự phòng. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hành. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về các hiện tượng xảy ra trong cơ thể sinh vật được giải thích bằng các định luật vật lý cơ bản.

## **13. Giải phẫu 2**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu 1*

Giải phẫu học là môn học nghiên cứu về hình thái và cấu tạo cơ thể. Đây là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành y đa khoa, tuy nhiên không như những môn thuộc khối y cơ sở khác, giải phẫu học được xem là môn cơ sở của các môn cơ sở. Giải phẫu học theo chương trình hiện tại được chia thành 2 học phần.

Học phần giải phẫu 2 này giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức về các cấu trúc ở vùng ngực bụng: tim, phổi, gan, dạ dày, thận,... Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên cách xác định được các chi tiết giải phẫu quan trọng vùng ngực bụng trên tranh vẽ, mô hình, tiêu bản, xương, xác.

Ngoài ra học phần này cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về giải phẫu vùng ngực bụng để có thể tiếp cận với quá trình thăm khám hỗ trợ cho các môn học lâm sàng liên quan.

## **14. Anh văn không chuyên 2**

*Điều kiện tiên quyết: Anh văn không chuyên 1*

Học phần này cung cấp khối kiến thức ở mức độ tiền trung cấp để người học có thể sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp khá lưu loát (nghe, nói), đọc tài liệu bằng Tiếng Anh và viết thư, đoạn văn ngắn bằng Tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc như những cú sốc về văn hóa khi sinh sống hay học tập ở một nước khác, giờ giấc các bữa ăn trong ngày, thu nhập cá nhân và văn hóa Anh, Mỹ qua kênh nói, viết (ngôn ngữ phát sinh), nghe và đọc (ngôn ngữ tiếp nhận) và học các kỹ năng làm bài thi trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

Thêm vào đó, thông qua các hoạt động học tập môn học này, sinh viên phát triển được các phẩm chất cần thiết như khả

năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức và chia sẻ thông tin, cũng như khả năng tổng quát vấn đề, thực hiện các nhiệm vụ học tập và tự chịu trách nhiệm đối với kết quả học tập về kiến thức và các kỹ năng giao tiếp, tạo cơ sở để người học tự bồi dưỡng kiến thức, trang bị khả năng tìm kiếm, tra cứu và nghiên cứu các tài liệu học tập và tham khảo cho các môn học khác trong Chương trình đào tạo.

### **15. Sinh lý 1**

*Điều kiện tiên quyết: Hóa học, Sinh học và di truyền, Giải phẫu – Mô phôi*

Sinh lý gồm 02 tín chỉ: 01 tín chỉ lý thuyết (15 tiết) và 01 tín chỉ thực hành (30 tiết). Môn học giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về các chức năng và điều hòa chức năng của cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể bình thường, mối liên quan giữa các hoạt động chức năng trong cơ thể và các yếu tố bên ngoài. Thực hiện và diễn giải một số kỹ thuật xét nghiệm và thăm dò chức năng đơn giản, ứng dụng trên lâm sàng. Tạo động lực cho sinh viên tự học và nghiên cứu suốt đời góp phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng

### **16. Mô phôi**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về cấu tạo Mô học, hình ảnh vi thể, siêu vi của các tế bào, các mô và các bộ phận chủ yếu, của các cơ quan trong cơ thể bình thường, tính phù hợp giữa cấu tạo – chức năng của tế bào và mô của cơ thể. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nhận biết được các tế bào, các mô và cơ quan dưới kính hiển vi hoặc ảnh vi thể. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của mô học, thận trọng khi sử dụng lam, kính hiển vi cũng như ý thức vô trùng trong nghề nghiệp; tinh thần tự học và tự nghiên cứu.

### **17. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

*Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác - Lênin*

Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Trang bị những phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam; Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, bồi dưỡng, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng thông qua việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học.

### **18. Điều dưỡng cơ bản**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Mô phôi, Kiểm soát nhiễm khuẩn.*

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những kỹ thuật chăm sóc người bệnh cơ bản trong đáp ứng nhu cầu sự sống đến can thiệp điều trị y tế; Người học được rèn luyện những kỹ năng chăm sóc trên mô hình với thời lượng 40 tiết tại Phòng TH Điều dưỡng và kiến - thực tập kỹ năng điều dưỡng tại Bệnh viện trong 60 tiết (2 tuần THLS); Bên cạnh học viên được đào tạo các kỹ thuật sơ cứu ban đầu cho ứng cứu trường hợp tai nạn trong cuộc sống và đặc biệt trong bối cảnh lâm sàng; Học viên tự xây dựng ý thức học tập nghiêm túc cũng như sự tuân thủ các nguyên tắc an toàn khi học thực hành.

### **19. Ký sinh trùng**

*Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hình thái, cấu trúc, đặc điểm sinh học, sinh lý của Ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên vận dụng kiến thức vào chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên ý thức được tầm quan trọng của vấn đề KST đối với sức khoẻ cá nhân và cộng đồng. Nâng cao thái độ và tinh thần tự học, tự nghiên cứu.

### **20. Hóa sinh**

*Điều kiện tiên quyết: Hoá học.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh, bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào sống của cơ thể, các nguyên tắc và ý nghĩa của một số xét nghiệm hóa sinh cận lâm sàng thông thường, từ đó vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu các học phần tiếp theo. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thao tác đúng qui trình kỹ thuật một số các xét nghiệm định tính và định lượng trong lĩnh vực Hóa sinh. Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị trong phòng thí nghiệm Hóa sinh. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên hình thành tác phong làm việc chuyên cần, thận trọng trong sử dụng hóa chất và thực hiện các thao tác kỹ thuật.

### **21. Vi sinh**

*Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền*

Nội dung gồm các đặc điểm hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật.

### **22. Sinh lý 2**

*Điều kiện tiên quyết: Hóa học, Sinh học và di truyền, Giải phẫu – Mô phôi*

Sinh lý gồm 02 tín chỉ: 01 tín chỉ lý thuyết (15 tiết) và 01 tín chỉ thực hành (30 tiết). Môn học giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về các chức năng và điều hòa chức năng của cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể bình thường, mối liên quan giữa các hoạt động chức năng trong cơ thể và các yếu tố bên ngoài. Thực hiện và diễn giải một số kỹ thuật xét nghiệm và thăm dò chức năng đơn giản, ứng dụng trên lâm sàng. Tạo động lực cho sinh viên tự học và nghiên cứu suốt đời góp phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

### **23. Anh văn không chuyên 3**

*Điều kiện tiên quyết: Anh văn không chuyên 2*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về những kiến thức căn bản tiếng Anh và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu châu Âu (CEFR); một số từ vựng phục vụ cho giao tiếp hàng ngày; các điểm ngữ pháp căn bản như từ loại, thì và một số mẫu câu đơn giản khác.

Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu và xác định được ý chính và ý chi tiết của các bài đọc có chủ đề quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày; nghe hiểu ý chính và ý chi tiết các bài đàm thoại và độc thoại; nói về các chủ đề quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày sử dụng các cấu trúc câu đơn giản và một số từ vựng liên quan đến các chủ đề; viết một lá thư, một câu chuyện có độ dài khoảng 100 từ, và những dạng bài viết ngắn (lời nhắn, bưu thiếp khoảng 35-45 từ) sử dụng từ vựng, cấu trúc câu đơn giản và dấu câu; học được các kỹ năng làm bài thi từ trình độ A1-B1 theo khung tham chiếu châu Âu (CEFR).

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về biết thêm cách giao tiếp bằng tiếng Anh qua các mẫu câu đàm thoại hàng ngày và sử dụng một số thủ thuật trong giao tiếp như hỏi xác định lại thông tin; rèn luyện được một số kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng trình bày trước lớp, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng ghi chú ý chính để thuyết trình và đàm thoại, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng lắng nghe người khác.

### **24. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

*Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học*

Môn học này trang bị kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học, phân tích cơ sở, quá trình hình thành phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Trình bày, phân tích được các nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh; Giải thích vì sao Đảng ta lấy Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Liên hệ thực tế giải quyết một số vấn đề liên quan đến môn học. Nâng cao lòng tự hào và kính trọng đối với Bác



Hồ kính yêu. Nâng cao hiểu biết về Tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh trong sự phát triển toàn diện của đất nước. Đồng thời thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

### **25. Sinh lý bệnh-Miễn dịch**

*Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, Giải phẫu – Mô phôi, Sinh lý*

Môn học Sinh lý bệnh – Miễn dịch gồm 02 tín chỉ lý thuyết (30 tiết). Sinh viên sẽ được học về các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình - quy luật hoạt động của bệnh nói chung; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn. Tạo động lực cho sinh viên tự học và nghiên cứu suốt đời góp phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

### **26. Tin học ứng dụng cơ bản**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Sau khi học xong môn này, học viên sẽ sử dụng được hệ điều hành Microsoft Windows; sử dụng được các ứng dụng văn phòng trong bộ Microsoft Office gồm Word, Excel và PowerPoint; sử dụng được các dịch vụ cơ bản của Internet; biết một số ứng dụng cụ thể của công nghệ thông tin và truyền thông; ngoài ra học viên còn hiểu được một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong môi trường công nghệ thông tin.

### **27. Huấn luyện kỹ năng 1**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu 2, Sinh lý 2*

Sinh viên sẽ được thực hành thuần thục các kỹ năng thăm khám cơ bản, thiết lập mối quan hệ tốt giữa bệnh nhân và thầy thuốc qua sử dụng kỹ năng giao tiếp thích hợp giúp cho việc thu thập thông tin được thuận lợi cũng như tăng cường sự tuân thủ của bệnh nhân, khai thác bệnh sử một cách hệ thống đầy đủ các bệnh tật của từng cá thể khác nhau, thực hiện khám các hệ thống cơ quan với các phương pháp và kỹ thuật chuẩn, đánh giá cấu trúc và chức năng bình thường của cơ thể và phát hiện các bất thường, phân tích các triệu chứng cơ năng, thực thể và đưa ra được lập luận, nhận định phù hợp, giả thiết chẩn đoán thích hợp, thực hành thủ thuật sơ cứu cơ bản. Qua đó giúp sinh viên tự tin khi đi thực hành lâm sàng tại các bệnh viện. Đây là trang bị căn bản, quan trọng, không thể thiếu đối với một người thầy thuốc khi hành nghề sau này.

### **28. Anh văn không chuyên 4**

*Điều kiện tiên quyết: Anh văn không chuyên 3*

Học phần cuối này giúp sinh viên phát triển thêm kiến thức ngôn ngữ và những trải nghiệm sử dụng ngôn ngữ của mình ở bậc B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR). Sinh viên thể hiện năng lực ngôn ngữ qua các chủ điểm như friends, self-discoveries, persuading people, travellers' tales, celebrities, eating out and choices. Đồng thời sinh viên cũng sẽ làm quen dạng đề thi đánh giá năng lực theo Khung tham chiếu Âu (CEFR).

Thêm vào đó, thông qua các hoạt động học tập môn học này, sinh viên phát triển được các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức và chia sẻ thông tin, cũng như khả năng tổng quát vấn đề, thực hiện các nhiệm vụ học tập và tự chịu trách nhiệm đối với kết quả học tập về kiến thức và các kỹ năng giao tiếp, tạo cơ sở để người học tự bồi dưỡng kiến thức, trang bị khả năng tìm kiếm, tra cứu và nghiên cứu các tài liệu học tập và tham khảo cho các môn học khác trong Chương trình đào tạo.

### **29. Nội cơ sở 1**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu 2, Sinh lý 2*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kỹ năng khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; các nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nội khoa về các chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu.

Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ra quyết định, phân tích, logic hoá thông tin từ các nội dung riêng lẻ trên một thể thống nhất, thực hành khám lâm sàng, phát hiện các triệu chứng cơ năng và thực thể, qua đó tổng hợp thành các hội chứng lâm sàng, kết hợp với các kết quả cận lâm sàng giúp biện luận và chẩn đoán được bệnh.

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về Có thái độ tích cực trong học tập, yêu quý môn học giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu kiến thức.

Thầy thuốc phải đặt lợi ích của người bệnh lên trên lợi ích của bản thân. Cần có một tâm hồn được nuôi dưỡng hàng ngày để có thể rung động trước đau khổ của người bệnh.

Sinh viên nên rèn luyện thái độ, giọng nói bình tĩnh, điềm đạm, cử chỉ đúng mực, vừa thân mật, vừa nghiêm nghị để gây và duy trì lòng tin cho bệnh nhân.

Sinh viên phải gương mẫu, lời nói đi đôi với việc làm, nhất là thực hiện những điều mà mình vẫn khuyên người bệnh như không hút thuốc lá, sống lành mạnh, điều độ, giữ vệ sinh tâm hồn, thân thể, môi trường.

### **30. Ngoại cơ sở 1**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu 2, Sinh lý 2*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về triệu chứng học của các chuyên khoa như sọ não, cơ xương khớp, tiết niệu, chấn thương và ngoại nhi. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp và phân tích đưa các triệu chứng hành hội chứng. Học phần còn giúp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về các triệu chứng cơ bản theo từng hệ cơ quan, từ đó có thể đưa ra nhận định đúng và phù hợp cho từng nhóm bệnh.

Từ đó giúp cho sinh viên rèn luyện thái độ và kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, cũng như rèn luyện tác phong khoa học, chuẩn mực, lập luận vững chắc trong thực hành chuyên môn.

Môn Ngoại cơ sở 1 có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học khác như giải phẫu, sinh lý.

### **31. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**

*Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh*

Học phần trang bị các kiến thức về những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ giành chính quyền và trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ; trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành đổi mới. Những phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, bồi dưỡng, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng.

### **32. Giải phẫu bệnh**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu 2, Mô phôi*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về bệnh tật và các tổn thương trên phương diện hình ảnh đại thể, vi thể, siêu vi của các tế bào, các mô và các bộ phận chủ yếu, của các cơ quan trong cơ thể, mối tương quan giữa sự biến đổi về mặt cấu trúc, hình thái của mô bệnh với triệu chứng bệnh. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nhận biết được các thay đổi về mặt hình thái và cấu trúc của tế bào, các mô và cơ quan dưới kính hiển vi trong các bệnh lý thường gặp. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về ý thức vô trùng trong nghề nghiệp và cuộc sống, tinh thần tự học và tự nghiên cứu.

### **33. Chẩn đoán hình ảnh**

*Điều kiện tiên quyết: Vật lý và Lý sinh, Giải phẫu 2*

*Học phần song hành: Nội cơ sở 2, Ngoại cơ sở 2*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chẩn đoán hình ảnh các bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên, từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng, phổ cập như X quang quy ước, siêu âm đến các phương pháp hiện đại như chụp cắt lớp, cộng hưởng từ... Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng chẩn đoán được các bệnh phổ biến, thường gặp và điển hình trên X quang, siêu âm, cắt lớp vi tính. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của chẩn đoán hình ảnh trên lâm sàng.

### **34. Huấn luyện kỹ năng 2**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu 2, Sinh lý 2, Huấn luyện kỹ năng 1.*

Học phần huấn luyện kỹ năng 2 nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng thăm khám – thủ thuật cơ bản về ngoại, sản, nhi, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, y học cổ truyền; tổng hợp thăm khám và xử trí cấp cứu ban đầu một số tình huống lâm sàng.

Qua tiếp cận với bệnh nhân giả, mô hình, thảo luận nhóm, xử trí tình huống, sinh viên sẽ rèn luyện và lồng ghép các kỹ năng giao tiếp, thăm khám và thủ thuật vào tiếp cận trường hợp bệnh. Cũng cố, rèn luyện trau dồi thêm các kỹ năng cơ bản trong học phần huấn luyện kỹ năng cơ bản.

Sinh viên được đánh giá và phản hồi mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần thông qua các hình thức: kiểm tra trong giờ học, bài tập tự học, kiểm tra cuối kỳ qua OSCE...

### **35. Nội cơ sở 2**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu 2, Sinh lý 2*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kỹ năng khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; các nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nội khoa về các chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu.

Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ra quyết định, phân tích, logic hoá thông tin từ các nội dung riêng lẻ trên một thể thống nhất, thực hành khám lâm sàng, phát hiện các triệu chứng cơ năng và thực thể, qua đó tổng hợp thành các hội chứng lâm sàng, kết hợp với các kết quả cận lâm sàng giúp biện luận và chẩn đoán được bệnh.

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về Có thái độ tích cực trong học tập, yêu quý môn học giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu kiến thức.

Thầy thuốc phải đặt lợi ích của người bệnh lên trên lợi ích của bản thân. Cần có một tâm hồn được nuôi dưỡng hàng ngày để có thể rung động trước đau khổ của người bệnh.

Sinh viên nên rèn luyện thái độ, giọng nói bình tĩnh, điềm đạm, cử chỉ đúng mực, vừa thân mật, vừa nghiêm nghị để gây và duy trì lòng tin cho bệnh nhân.

Sinh viên phải gương mẫu, lời nói đi đôi với việc làm, nhất là thực hiện những điều mà mình vẫn khuyên người bệnh như không hút thuốc lá, sống lành mạnh, điều độ, giữ vệ sinh tâm hồn, thân thể, môi trường..

### **36. Ngoại cơ sở 2**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu 2, Sinh lý 2*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về triệu chứng học của các chuyên khoa như sọ não, cơ xương khớp, tiết niệu, chấn thương và ngoại nhi. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp và phân tích đưa các triệu chứng hành hội chứng. Học phần còn giúp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về phẫu thuật điều trị ngoại như kỹ thuật khâu da, mở bụng, cầm máu, kỹ thuật khâu nối ống tiêu hóa,...

Từ đó giúp cho sinh viên rèn luyện thái độ và kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, cũng như rèn luyện tác phong khoa học, chuẩn mực, lập luận vững chắc trong thực hành chuyên môn.

Môn Ngoại cơ sở 2 có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học khác như giải phẫu, sinh lý.

### **37. Giáo dục và nâng cao sức khỏe**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Nội dung gồm tìm hiểu khái niệm, vị trí, vai trò của truyền thông – GDSK và nâng cao SK. Xác định các hành vi, quá trình thay đổi hành vi SK và GDSK; phương pháp và phương tiện truyền thông – GDSK; các vấn đề liên quan đến truyền thông – GDSK với cộng đồng, nhóm, cá nhân; lập kế hoạch và quản lý, rèn luyện kỹ năng truyền thông – GDSK; tổ chức đào tạo cán bộ truyền thông – GDSK tại cộng đồng.

### **38. Xác suất – Thống kê y học**

*Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng cơ bản*

Học phần Xác suất -Thống kê y học giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất và thống kê trong chuyên ngành khoa học sức khỏe. Cụ thể học phần Xác suất -Thống kê y học bao gồm hai phần:

1. Phân xác suất: Lý thuyết xác suất giúp chúng ta hiểu rõ hơn về khả năng xuất hiện của các hiện tượng ngẫu nhiên cũng như các quy luật xác suất của chúng và nhờ đó giúp chúng ta đánh giá đúng, phán đoán đúng hơn về các hiện tượng ngẫu nhiên. Đồng thời kiến thức về Lý thuyết xác suất là cơ sở trực tiếp cho quá trình phân tích và suy luận thống kê trong phân Thống kê toán.

2. Phân Thống kê: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, khảo sát dữ liệu; xử lý, phân tích và đánh giá dữ liệu thông qua các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê.

Với thời lượng 02 tín chỉ (01 lý thuyết và 01 thực hành), 45 tiết, Môn học Xác suất - Thống kê y học cung cấp các kiến thức cơ bản về xác suất thống kê đồng thời cũng đưa ra một số ứng dụng gần gũi và thiết thực về xác suất thống kê trong lĩnh vực khoa học sức khỏe, từ đó có thể so sánh đánh giá đúng về hiệu quả chẩn đoán và điều trị của các phương pháp, góp phần đưa ra các khuyến cáo về chẩn đoán và điều trị.

### **39. Dược lý**

*Điều kiện tiên quyết: Hoá sinh, sinh lý 2*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: dược động học của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, những vấn đề cơ bản nhằm sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả cho bệnh nhân, bao gồm: phân loại, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, cách dùng, tương tác của các nhóm thuốc thông dụng.

Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nhận biết các thuốc thành phẩm, thực hiện các thí nghiệm trên động vật, phân tích, tính toán và xử lý kết quả.

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, xây dựng thói quen tự học tập, nâng cao kỹ năng thực hành và áp dụng vào nghề nghiệp.

### **40. Nội bệnh lý**

*Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở 2, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh, Vi sinh, Ký sinh trùng, Dược lý.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về lâm sàng về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng của bệnh, chỉ định những cận lâm sàng cơ bản để chẩn đoán một số bệnh lý hệ tim mạch, nội tiết, cơ xương khớp, huyết học, bệnh lý hệ tiêu hóa, hô hấp, thận- tiết niệu.

Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ra quyết định, phân tích, logic hoá thông tin từ các nội dung riêng lẻ trên một thể thống nhất, thực hành khám lâm sàng, phát hiện các triệu chứng cơ năng và thực thể, qua đó tổng hợp thành các hội chứng lâm sàng, kết hợp với các kết quả cận lâm sàng giúp biện luận và chẩn đoán được bệnh.

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về Có thái độ tích cực trong học tập, yêu quý môn học giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu kiến thức.

Thầy thuốc phải đặt lợi ích của người bệnh lên trên lợi ích của bản thân. Cần có một tâm hồn được nuôi dưỡng hàng ngày để có thể rung động trước đau khổ của người bệnh.

Sinh viên nên rèn luyện thái độ, giọng nói bình tĩnh, điềm đạm, cử chỉ đúng mực, vừa thân mật, vừa nghiêm nghị để gây và duy trì lòng tin cho bệnh nhân.

Sinh viên phải gương mẫu, lời nói đi đôi với việc làm, nhất là thực hiện những điều mà mình vẫn khuyên người bệnh như không hút thuốc lá, sống lành mạnh, điều độ, giữ vệ sinh tâm hồn, thân thể, môi trường.

#### **41. Ngoại bệnh lý**

*Điều kiện tiên quyết: Ngoại cơ sở 1,2 và Giải phẫu*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về ngoại khoa. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về bệnh ngoại khoa.

Môn học Ngoại bệnh lý trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bệnh học, kỹ năng tiếp cận, chẩn đoán và điều trị ban đầu các bệnh ngoại khoa thường gặp, cách thức theo dõi và quản lý bệnh nhân nội trú và ngoại trú. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức, thái độ và kỹ năng về các hoạt động và phối hợp hoạt động trong công tác phòng ngừa các bệnh ngoại khoa phổ biến tại cộng đồng.

Môn Ngoại bệnh lý có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học khác như giải phẫu, sinh lý, ngoại cơ sở, nội khoa, sản khoa, chẩn đoán hình ảnh.

#### **42. Huấn luyện kỹ năng 3**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu 2, Sinh lý 2, Huấn luyện kỹ năng 2.*

Học phần huấn luyện kỹ năng 3 nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng thăm khám – thủ thuật, kỹ thuật cơ bản, chuyên sâu thuộc các chuyên khoa: nội, ngoại, sản; tổng hợp thăm khám và xử trí cấp cứu ban đầu một số tình huống lâm sàng.

Qua tiếp cận với bệnh nhân giả, mô hình, thảo luận nhóm, xử trí tình huống, sinh viên sẽ rèn luyện và lồng ghép các kỹ năng giao tiếp, thăm khám và thủ thuật vào tiếp cận trường hợp bệnh. Cũng cố, rèn luyện trau dồi thêm các kỹ năng cơ bản trong học phần huấn luyện kỹ năng 1, 2.

Sinh viên được đánh giá và phản hồi mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần thông qua các hình thức: kiểm tra trong giờ học, bài tập tự học, kiểm tra cuối kỳ qua OSCE...

#### **43. Anh văn chuyên ngành y học dự phòng**

*Điều kiện tiên quyết: Anh văn không chuyên*

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp chuyên ngành Y đa khoa nhằm giúp sinh viên có khả năng tham khảo tài liệu và soạn thảo tài liệu y văn bằng tiếng Anh.

#### **44. Dân số học**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Nội dung gồm các kiến thức và khả năng phân tích về biến động dân số và những tác động qua lại của các quá trình dân số với các vấn đề phát triển. Phần dân số học cung cấp kiến thức về qui mô, cơ cấu dân số và các biến động dân số. Phần dân số và phát triển cung cấp kiến thức về mối quan hệ, tác động qua lại giữa dân số và các vấn đề phát triển (như kinh tế, giáo dục, y tế, môi trường, bình đẳng giới...), cơ sở xây dựng chính sách dân số phù hợp với từng đặc điểm phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia.

#### **45. Phụ sản 1**

*Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở 1, Ngoại cơ sở 1, Nội cơ sở 2, Ngoại cơ sở 2, Chẩn đoán hình ảnh*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về sản khoa (Đồng thời học phần cũng nhằm cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật, thủ thuật sản khoa). Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về sản khoa.

Môn học Phụ Sản 1 trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bệnh học, kỹ năng chẩn đoán và điều trị, thực hiện các thủ thuật sản khoa thường gặp, cách thức theo dõi và quản lý thai kỳ. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức, thái độ và kỹ năng về các hoạt động và phối hợp hoạt động trong công tác chẩn đoán và theo dõi các thai kỳ.

Môn Phụ Sản 1 có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học khác như Nội cơ sở 1, Nội cơ sở 2, Ngoại cơ sở 1, Ngoại cơ sở 2, Nhi 1, Chẩn đoán hình ảnh.

#### **46. Nhi khoa 1**



*Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở 1, Nội cơ sở 2.*

*Học phần song hành: Ngoại cơ sở 1, Ngoại cơ sở 2.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về nhi khoa (Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về bệnh nhi khoa). Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về bệnh nhi khoa.

Môn học Bệnh Nhi khoa 1 trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bệnh học, kỹ năng chẩn đoán và điều trị các bệnh nhi khoa thường gặp, cách thức theo dõi và quản lý bệnh nhân ngoại trú. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức, thái độ và kỹ năng về các hoạt động và phối hợp hoạt động trong công tác phòng chống dịch, phòng ngừa các bệnh nhi khoa phổ biến tại cộng đồng.

Môn Nhi khoa 1 có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học khác như giải phẫu, sinh lý, ngoại khoa, nội khoa, sản khoa..

#### **47. Dịch tễ học cơ bản**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản trong đo lường bệnh trạng, đo lường sự kết hợp, nguyên lý và thiết kế cơ bản của dịch tễ học và ứng dụng của các thiết kế trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng.

#### **48. Phụ sản 2**

*Điều kiện tiên quyết: Phụ sản 1*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về sản khoa (Đồng thời học phần cũng nhằm cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật, thủ thuật sản khoa). Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về sản khoa.

Môn học Phụ Sản 1 trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bệnh học, kỹ năng chẩn đoán và điều trị, thực hiện các thủ thuật sản khoa thường gặp, cách thức theo dõi và quản lý thai kỳ. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức, thái độ và kỹ năng về các hoạt động và phối hợp hoạt động trong công tác chẩn đoán và theo dõi các thai kỳ.

Môn Phụ Sản 1 có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học khác như Nội cơ sở 1, Nội cơ sở 2, Ngoại cơ sở 1, Ngoại cơ sở 2, Nhi 1, Chẩn đoán hình ảnh.

#### **49. Nhi khoa 2**

*Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa 1.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về nhi khoa (Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về bệnh nhi khoa). Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về bệnh nhi khoa.

Môn học Bệnh Nhi khoa 2 trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bệnh học, kỹ năng chẩn đoán và điều trị các bệnh nhi khoa thường gặp, cách thức theo dõi và quản lý bệnh nhân ngoại trú. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức, thái độ và kỹ năng về các hoạt động và phối hợp hoạt động trong công tác phòng chống dịch, phòng ngừa các bệnh nhi khoa phổ biến tại cộng đồng.

Môn Nhi khoa 2 có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học khác như giải phẫu, sinh lý, ngoại khoa, nội khoa, sản khoa.

### **50. Dịch tễ học bệnh không lây**

*Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản*

Môn học Dịch tễ học bệnh không lây sẽ giúp sinh viên hiểu về thực trạng, các yếu tố quyết định và các nguyên lý xây dựng và vận hành hệ thống giám sát các bệnh không lây từ đó đưa ra những biện pháp phòng, giám sát và kiểm soát các bệnh này trong cộng đồng một cách có hiệu quả.

### **51. Tổ chức và quản lý y tế**

*Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương.*

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về hệ thống y tế Việt Nam, tổ chức của các đơn vị y tế và quản lý các nguồn lực y tế, kỹ năng giải quyết vấn đề trong quản lý các nguồn lực và nhận thức về tuân thủ pháp lý, quy định, quy chế của ngành nhằm giúp sinh viên thích ứng khi ra trường được làm việc tại các cơ sở y tế.

Nội dung bao gồm mô tả hệ thống y tế và tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam; đại cương quản lý, quản lý y tế; Tổ chức và quản lý cơ sở khám chữa bệnh; Quản lý thông tin y tế, nguồn nhân lực, tài chính, vật tư y tế; Bảo hiểm y tế; Phân tích và xác định vấn đề sức khỏe, vấn đề sức khỏe ưu tiên; Lập kế hoạch y tế; Giám sát và đánh giá chương trình/hoạt động y tế..

### **52. Sức khỏe môi trường**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Nội dung gồm tìm hiểu về quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường; các vấn đề liên quan đến vệ sinh môi trường không khí, đất, bệnh viện, đô thị; xác định các yếu tố ô nhiễm môi trường; xác định các vấn đề về xử lý phân nước rác; qui trình quản lý, xử lý chất thải.

### **53. Sức khỏe nghề nghiệp**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản về bệnh nghề nghiệp và kiến thức cơ bản về quản bệnh nghề nghiệp. Trình bày các nguyên tắc vệ sinh môi trường tại trường học, bệnh viện, cơ sở nuôi dạy trẻ. Trình bày các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong quá trình sản xuất và biện pháp kiểm soát. Thực hiện những kết quả xét nghiệm cơ bản trong phân tích môi trường sống và lao động. Thực hiện những kết quả xét nghiệm cơ bản trong phân tích môi trường sống và lao động.

#### **54. Thực tập cộng đồng 1**

*Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý y tế*

Thực tập cộng đồng 1 tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với cộng đồng, làm quen với thực tế công việc của cán bộ y tế tuyến huyện và xã. Đây cũng là cơ hội cho sinh viên áp dụng và củng cố những kiến thức đã được học qua các năm đặc biệt là phương pháp tiếp cận cộng đồng, làm việc nhóm.

#### **55. Phục hồi chức năng**

*Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Phục hồi chức năng, đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thăm khám, lượng giá và thực hiện được các kỹ thuật Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về y đức, pháp luật, tôn trọng người bệnh, đoàn kết với đồng nghiệp và có tinh thần trách nhiệm.

#### **56. Truyền nhiễm**

*Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý*

*Học phần song song: Lao*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về truyền nhiễm (Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về bệnh truyền nhiễm). Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về bệnh truyền nhiễm

Môn học Bệnh Truyền nhiễm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bệnh học, kỹ năng chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm thường gặp, cách thức theo dõi và quản lý bệnh nhân ngoại trú. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức, thái độ và kỹ năng về các hoạt động và phối hợp hoạt động trong công tác phòng chống dịch, phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm phổ biến tại cộng đồng.

Môn Bệnh Truyền nhiễm có mối liên hệ chặt chẽ với các môn học khác như vi sinh, ký sinh, sinh học phân tử, nội khoa, nhi khoa, Y tế công cộng và Y học phòng ngừa.

## **57. Y học cổ truyền**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh Lý, Nội, Ngoại, Sản, Nhi.*

*Học song hành: Chuyên khoa lẻ.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở về YHCT và YHHĐ làm nền tảng cho y học lâm sàng.

- Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của YHCT và YHHĐ.
- Có phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.
- Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng Chẩn đoán và xử lý các bệnh thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường bằng YHCT và YHHĐ;

- Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa;
- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ;
- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường;
- Phát hiện sớm các dịch bệnh và tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ
- Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hoá, chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở;

- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

- coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

## **58. Tâm thần**

*Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về tâm thần. Đồng thời cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về bệnh tâm thần.

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bệnh học, kỹ năng chẩn đoán và điều trị các bệnh tâm thần thường gặp, cách thức theo dõi và quản lý bệnh nhân tại cộng đồng.

### **59. Da liễu**

*Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về sang thương cơ bản, bệnh học thuộc chuyên ngành Da liễu.

Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thăm khám để chẩn đoán và điều trị một số bệnh da thường gặp.

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về cách tiếp cận trường hợp mắc bệnh da một cách toàn diện và bao quát từ thăm khám cho đến theo dõi điều trị.

Ngoài ra, môn học còn cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng tư vấn cho sinh viên, giúp sinh viên có cái nhìn ban đầu về cách tư vấn cho bệnh nhân tuân thủ điều trị đối với những bệnh da mạn tính và các biện pháp phòng ngừa đối với một số bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh phong.

### **60. Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm**

*Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học bệnh không lây*

Môn học Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm sẽ cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan tới bệnh truyền nhiễm quan trọng trên thế giới và ở Việt Nam; nguồn lây bệnh; phương thức lây truyền và môi trường gây bệnh; những vấn đề liên quan tới hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam và những biện pháp kiểm soát các bệnh này.

### **61. Kiểm soát nhiễm khuẩn (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu 2*

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn; vai trò nhiệm vụ của người Thầy thuốc trong kiểm soát nhiễm khuẩn. Người học tự xây dựng ý thức học tập nghiêm túc cũng như sự tuân thủ các nguyên tắc an toàn khi học thực hành

### **62. Sinh học phân tử (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Sinh học – di truyền*

*Học phần song hành: Hóa sinh*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Sinh học tế bào ở cấp độ phân tử: cấu trúc, bộ gene, cũng như ý nghĩa và vai trò của vật chất di truyền (DNA, RNA, protein). Kiến thức này giúp sinh viên có khả năng tiếp cận các kiến thức khác trong nền Y học hiện đại nhanh chóng, vững vàng và nắm bắt được cơ chế của tác động y khoa can thiệp trên cơ thể con người dưới góc độ cơ chế sinh học. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cẩn thận, tỉ mỉ trong học tập và trong thực hành y khoa sau này khi tiếp cận một bệnh lý với sự thay đổi ở mức độ phân tử thông qua cơ chế tác động sinh học.

### **63. Tin học ứng dụng trong y học**

*Điều kiện tiên quyết: Xác suất - Thống kê y học*

Đây là một môn học tự chọn của sinh viên Y tế công cộng năm thứ 3, môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong việc phân tích số liệu cho các cuộc điều tra/ nghiên cứu trong lĩnh vực y tế sử dụng chương trình phần mềm STATA. Sinh viên tham dự khóa học này đã phải hoàn thành các khóa học về thống kê cơ bản, dịch tễ học cơ bản... vì thế khóa học chỉ tập trung vào các kỹ năng phân tích số liệu với phần mềm STATA, giúp sinh viên làm quen với các thao tác cơ bản của STATA và biết cách sử dụng và kết hợp một số lệnh cơ bản trong STATA

### **64. Tai mũi họng**

*Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.*

Nội dung gồm dịch tễ học và nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, chẩn đoán và xử trí các bệnh tai mũi họng thông thường, một số bệnh cấp cứu và chấn thương tai mũi họng thường gặp. Chẩn đoán định hướng, xử trí cấp cứu và chuyển kịp thời các bệnh thuộc chuyên khoa tai mũi họng đúng tuyến chuyên khoa. Các biện pháp phòng bệnh tai mũi họng.

### **65. Mắt**

*Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.*

Nội dung gồm giải phẫu và sinh lý mắt và thị giác, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

### **66. Răng hàm mặt**

*Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các đặc điểm hình thái và mối quan hệ chức năng của răng và bộ răng (răng sữa và răng vĩnh viễn). Thực trạng và định hướng giải quyết các vấn đề răng miệng ở Việt Nam. Đồng thời học

phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng lập bệnh án, nắm được nguyên nhân, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh răng miệng phổ biến. Đặc điểm chủ yếu của các nhiễm trùng Răng hàm mặt. Các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các bệnh răng miệng cho cá nhân và cộng đồng. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về giá trị của chăm sóc sức khoẻ răng miệng trong chương trình y tế quốc gia.

### **67. Pháp y**

*Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên một cái nhìn tổng quát về ngành Pháp y như lịch sử hình thành, phát triển cũng như công việc mà một Bác sĩ Pháp y phải đảm nhận. Đồng thời cung cấp các kiến thức cơ bản về việc nhận định các thương tổn, thay đổi trên tử thi do các nguyên nhân gây tử vong thường gặp như tai nạn giao thông, tai nạn điện, ngạt nước,... Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn trong nghề nghiệp và cuộc sống, tinh thần tuân thủ pháp luật, tinh thần tự học và tự nghiên cứu. Học phần cũng giúp định hướng, gợi cảm hứng cho sinh viên về ngành Bác sĩ Pháp y góp phần đào tạo thêm nguồn nhân lực Bác sĩ Pháp y hiện đang khan hiếm tại nước ta.

### **68. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học**

*Điều kiện tiên quyết: Xác suất – Thống kê y học.*

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và cách thức tiến hành nghiên cứu khoa học. Các kiến thức nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, phương pháp thu thập, phân tích và xử lý số liệu, kiểm soát sai lệch trong nghiên cứu. Các vấn đề liên quan đến y đức trong nghiên cứu khoa học và y học. Nhận xét, đánh giá các báo cáo, tài liệu nghiên cứu khoa học, phương pháp trình bày một nội dung nghiên cứu khoa học.

### **69. Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm**

*Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, Vi sinh vật, Ký sinh trùng.*

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.

### **70. Thực tập cộng đồng 2**

*Điều kiện tiên quyết: Thực tập cộng đồng 1*

Thực tập cộng đồng 2 là cơ hội cho sinh viên tiếp tục áp dụng và củng cố những kiến thức đã được học qua các năm của chương trình đào tạo Bác sĩ Y học dự phòng. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, huy động cộng đồng, xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và đề xuất biện pháp và kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên đã được xác định.

### **71. Y học gia đình**

*Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Nhi khoa, Sản khoa.*

Nội dung gồm nguyên lý y học gia đình và việc triển khai ứng dụng vào công tác chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tư vấn và dự phòng một số bệnh và cấp cứu thường gặp cho cá nhân, gia đình và một nhóm dân cư tại cộng đồng.

### **72. Dinh dưỡng cơ bản và xây dựng khẩu phần dinh dưỡng (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng và An toàn vệ sinh thực phẩm*

Môn học này sẽ cung cấp những kiến thức về vai trò, nhu cầu, và nguồn thực phẩm của các chất sinh năng lượng (Protid, Carbon hydrate, lipid) và các chất không sinh năng lượng (vitamin, khoáng chất và nước). Từ đó xác định nhu cầu dinh dưỡng và tiến hành xây dựng khẩu phần dinh dưỡng của các đối tượng khác nhau (*trẻ em, vị thành niên, người trưởng thành, phụ nữ mang thai, nuôi con bú, người cao tuổi*). Bên cạnh đó môn học cung cấp thêm kiến thức về đặc điểm vệ sinh của một số nhóm thực phẩm cơ bản và thực phẩm chức năng.

### **73. Ung thư (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên một cái nhìn tổng quát về bệnh lý ung bướu nói chung như tần suất, dịch tễ, tính di truyền,... đồng thời cung cấp các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về bệnh ung bướu như cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học, chẩn đoán, điều trị và theo dõi một số bệnh ung thư thường gặp. Học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng đánh giá, phân tích ban đầu về u lành tính hay ác tính thông qua thăm khám lâm sàng, từ đó định hướng các xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán và tư vấn điều trị cho bệnh nhân. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn trong nghề nghiệp và cuộc sống, tinh thần tự học và tự nghiên cứu.

### **74. Bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng và các vấn đề sức khỏe cộng đồng*

Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm đang là vấn đề nghiêm trọng đe dọa sức khỏe cộng đồng, nó có thể ảnh hưởng ngay tức thì hoặc lâu dài tới sức khỏe con người. Môn học này sẽ giúp cử nhân dinh dưỡng làm quen với các bệnh liên quan đến thực phẩm hay xảy ra ở cộng đồng và giúp họ có khả năng đánh giá nguy cơ, phát hiện, giám sát và phòng ngừa



các bệnh đó một cách hiệu quả (*ngộ độc thực phẩm, các bệnh lây qua thực phẩm*). Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với đánh giá nguy cơ, quản lý nguy cơ và truyền thông nguy cơ tới các chủ thể liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm (*như người tiêu dùng, người sản xuất và người quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm*).

#### **75. Quản lý an toàn thực phẩm (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm*

Môn học sẽ cung cấp những nguyên tắc cơ bản về hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn thực phẩm ở Việt Nam, đăng ký chứng nhận sản phẩm thực phẩm, ghi nhãn thực phẩm, thanh tra, kiểm tra từ sản xuất, chế biến và đóng gói thực phẩm. Sinh viên cũng được làm quen với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như GMP, GHP và HACCP. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tổ chức triển khai biện pháp quản lý vệ sinh an toàn các thực phẩm có nguy cơ ô nhiễm cao như thức ăn chế biến sẵn tại quán ăn đường phố, bếp ăn tập thể hoặc tại các cơ sở sản xuất thực phẩm.

#### **76. Một sức khỏe và sức khỏe sinh thái (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Nội dung của môn học nhằm giới thiệu các kiến thức cơ bản về cách tiếp cận Một sức khỏe (One health) trong nghiên cứu các vấn đề sức khỏe; cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản để giải quyết vấn đề sức khỏe cụ thể trong cộng đồng bao gồm các tiếp cận liên ngành và các lý thuyết cơ bản về Một sức khỏe. Thông qua môn học này, học viên sẽ được trang bị các khái niệm cơ bản và các nguyên tắc cốt lõi về Một sức khỏe từ đó có khả năng xác định được các vấn đề sức khỏe trong hệ sinh thái và đề xuất hướng giải quyết với sự tham gia của các bên liên quan (VD: y tế, thú y, môi trường và các ngành khác).

#### **77. Công tác xã hội trong bệnh viện (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: không.*

Môn học đề cập đến các phương pháp và kỹ năng mà một nhân viên xã hội cần phải có liên quan đến thực hành công tác xã hội với các nhóm thân chủ có những vấn đề khó khăn. Với phương pháp dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, mỗi tương tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực đối với các nhóm thân chủ gặp khó khăn. Vai trò của NVXH là xây dựng nhóm, giúp điều hòa các vị trí, vai trò của các thành viên trong nhóm; tìm cách thúc đẩy các thành viên tham gia tích cực vào các hoạt động của nhóm; đánh giá sự biến chuyển hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như trong quá trình phát triển của nhóm.

#### **78. Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe*

Môn học TTSK-TTXH cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình truyền thông, các cách tiếp cận và phương pháp truyền thông nhằm cung cấp thông tin, tác động thay đổi thái độ và hành vi. Ý tưởng, thông điệp truyền thông, cách thiết kế và thử nghiệm thông điệp và tài liệu truyền thông sẽ được trình bày, thảo luận. Môn học cũng đề cập các nguyên lý cơ bản của TTXH, các thành tố của hỗn hợp tiếp thị và mối liên quan giữa chúng. TTSK và TTXH sẽ là những nguyên liệu giá trị để người làm công tác TT-GDSK nghiên cứu, áp dụng trong việc thiết kế chương trình và thực hiện chương trình GDSK-NCSK cụ thể tại các địa điểm, cơ sở cụ thể trong cộng đồng. Đây cũng là nhu cầu đào tạo bức thiết của cán bộ y tế tham gia công tác TT-GDSK hiện nay.

### **79. Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội*

Môn học Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản và khung cơ sở để hiểu được vai trò quan trọng của vận động trong việc thúc đẩy sự ra đời, thực thi và duy trì các chính sách y tế công cộng hiệu quả trong các chương trình nâng cao sức khỏe. Thông qua các bài đọc, bài giảng, bài tập, hoạt động đóng vai, lập kế hoạch hành động cho chiến dịch vận động và phát triển các sản phẩm thường sử dụng trong vận động qua phương tiện thông tin đại chúng, sinh viên sẽ hình thành các kỹ năng cơ bản để có thể tham gia thực hiện vận động hiệu quả cho các chương trình nâng cao sức khỏe.

### **80. Thống kê dân số y tế (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Dân số học*

Học phần này giúp cho học viên hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến thống kê y tế và thống kê dân số. Nội dung của học phần bao gồm các phương pháp thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu của thống kê dân số, tính toán các đặc trưng dân số và cách thức lập các báo cáo thống kê của ngành y tế và Dân số học. Sau khi học xong học phần này học viên có thể vận dụng các kiến thức được học vào việc lập các báo cáo thống kê chuyên ngành y tế và dân số học hiện hành, có thể vẽ được tháp dân số, dự báo dân số của địa phương bằng phương pháp đơn giản.

### **81. Kinh tế dân số y tế (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Thống kê dân số y tế*

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế y tế và kinh tế dân số. nội dung của học phần bao gồm sự liên quan của các biến kinh tế với dân số và y tế, các khái niệm và cách tính chi phí và hiệu quả kinh tế của CTCSSK và

dân số- KHHGD. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể phân tích và tính toán một số chi phí và hiệu quả kinh tế đơn giản của các chương trình CSSK và DS-KHHGD

### **82. Chính sách dân số (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Kinh tế Dân số y tế*

Học phần này giúp cho người học có được những kiến thức cơ bản về chính sách dân số của Việt nam và một số nước trong khu vực. Nội dung của học phần bao gồm quan điểm, đường lối về dân số-KHHGD của Đảng và Nhà nước, nội dung, đặc điểm và quá trình xây dựng chính sách dân số ở VN; Những bài học kinh nghiệm về việc áp dụng chính sách DS ở một số nước trong khu vực và ở Việt nam. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức được trang bị để tư vấn cho lãnh đạo trong quá trình tổ chức, thực hiện công việc theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

### **83. Thống kê y sinh học thực hành (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm*

Phân tích đa biến nhằm mục tiêu cung cấp các kỹ năng nâng cao về thống kê y tế, môn học này sẽ giúp cho các sinh viên có được các kỹ năng phân tích số liệu nâng cao trong phân tích số liệu bao gồm các phân tích đa biến với các giá trị đầu ra là biến liên tục hoặc nhị phân. Các kỹ thuật kiểm soát yếu tố nhiễu, tác động cũng như các phương pháp xây dựng một mô hình hồi qui tốt để đưa ra các kết luận cũng như dự đoán sẽ được cung cấp trong khóa học này

### **84. Các xét nghiệm y học dự phòng cơ bản (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về cách thức tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm, các cấp độ an toàn sinh học phòng xét nghiệm, cách phân loại rác thải y tế, vai trò của xét nghiệm trong lâm sàng. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng chuyên môn: Thực hiện được các thao tác kỹ thuật kỹ thuật lấy máu mao mạch, tĩnh mạch, thành thạo kỹ thuật làm tiêu bản máu dàn, sử dụng và bảo quản dụng cụ thủy tinh trong phòng xét nghiệm, thao tác vệ sinh bàn tay, phân loại được chất thải y tế. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về kỹ năng mềm: Thể hiện thái độ thận trọng, tỉ mỉ khi thực hiện các thao tác kỹ thuật.

### **85. Thiết kế đánh giá chương trình y tế (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản.*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đánh giá chương trình/ hoạt động y tế, có kỹ năng thiết kế mô hình đánh giá chương trình/ hoạt động y tế, viết báo cáo đánh giá, và có thể phát huy khả năng chủ động, sáng tạo, đồng thời vận động,

khuyến khích đồng nghiệp phát triển chuyên môn liên tục, kết hợp ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong đánh giá chương trình/hoạt động y tế.

Học phần gồm: Khái niệm đánh giá chương trình, hoạt động y tế; Phương pháp đánh giá; Mục đích và phân loại đánh giá; Mô hình đánh giá trước và sau can thiệp một chương trình/hoạt động y tế; Các bước cơ bản của đánh giá; Tiêu chuẩn lựa chọn chỉ số cho đánh giá; Viết báo cáo đánh giá.

### **86. Y học thảm họa (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục và nâng cao sức khỏe*

Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về y học thảm họa, các loại thảm họa thường gặp. Từ đó biết cách tổ chức, dự phòng, giảm nhẹ và khắc phục thảm họa trong lĩnh vực y tế, tổ chức xử trí, cấp cứu ban đầu trong các loại thảm họa.

### **87. Lao (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản/chuyên sâu về Lao

Đồng thời cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về bệnh lao.

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bệnh học, kỹ năng chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm thường gặp, cách thức theo dõi và quản lý bệnh nhân tại cộng đồng.

Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức, thái độ và kỹ năng về các hoạt động và phối hợp hoạt động trong công phòng chống lao theo chương trình y tế quốc gia.

### **88. Tâm lý y học-Đạo đức y học (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tâm lý cơ bản của bệnh nhân theo từng giai đoạn lứa tuổi. Những thay đổi tâm lý thường thấy của một số bệnh nói riêng và bệnh tật nói chung. Học phần còn cung cấp cho sinh viên những cách thức cơ bản để giao tiếp, nâng đỡ tâm lý và kiểm soát stress. Phân tích những vấn đề đạo đức trong y khoa và tình huống khó xử về đạo đức trong nghề y.

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của vấn đề tâm lý trong thăm khám và chăm chữa bệnh cho bệnh nhân

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên rèn luyện thái độ và nhận thức đúng đắn về khoa học tâm lý, khách quan về tâm lý người bệnh, coi trọng việc học tập và rèn luyện nhân cách người thầy thuốc.

### **89. Y đức - Xã hội học (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: không*

Môn học cung cấp các nội dung của y đức, các khía cạnh xã hội học của các tổ chức và cơ sở y tế ; sản xuất tri thức và lựa chọn phương pháp, các hành động và các tương tác của các chuyên gia chăm sóc sức khỏe, và những tác động xã hội hoặc văn hóa (chứ không phải là lâm sàng hoặc cơ thể) về hành nghề y. Các lĩnh vực thường tương tác với xã hội học về nghiên cứu kiến

thức, khoa học và công nghệ, và nhận thức luận xã hội. Xã hội học y tế cũng quan tâm đến những kinh nghiệm về chất lượng của bệnh nhân, thường xuyên làm việc ở ranh giới của y tế công cộng, công tác xã hội, nhân khẩu học và lão khoa để khám phá các hiện tượng tại các giao điểm của các ngành khoa học xã hội và lâm sàng. Sự chênh lệch về sức khỏe thường liên quan đến các loại điển hình như tầng lớp và chủng tộc. Kết quả nghiên cứu xã hội học nhanh chóng trở thành một vấn đề pháp quy và chính trị.

### **90. Các chương trình và chiến lược quốc gia về y tế (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Tổ chức quản lý và chính sách y tế*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quan điểm, mục tiêu, giải pháp và đối tượng của các chương trình, chiến lược quốc gia về y tế giai đoạn 2021 – 2025, phân biệt được các chương trình và chiến lược quốc gia về y tế, có kỹ năng phân tích, giám sát, đánh giá hiệu quả các chương trình y tế, nhận thức được chiến lược quốc gia về y tế và có thể phát huy khả năng chủ động, sáng tạo, đồng thời vận động, khuyến khích đồng nghiệp phát triển chuyên môn liên tục, kết hợp ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong tham gia triển khai các chương trình, chiến lược quốc gia về y tế.

Học phần gồm: Tổng quan về các chương trình và chiến lược quốc gia về y tế; Các Chương trình y tế giai đoạn trước 2021; Chương trình sức khỏe Việt Nam; Chiến lược phòng chống bệnh lao của Việt Nam – WHO; Chiến lược quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2030; Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015 – 2025; Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2010 – 2020 và tầm nhìn 2030; Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; Chiến lược quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030

### **91. Miễn dịch và vắc xin (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Môn học này sẽ cung cấp những kiến thức về miễn dịch trong công tác sử dụng vắc xin và nghiên cứu đáp ứng miễn dịch đối với vắc xin trong phòng bệnh và cơ chế bảo vệ của cơ thể chống lại các bệnh truyền nhiễm.

### **92. Nghiên cứu định tính (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghiên cứu định tính, kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng; có kỹ năng lựa chọn các phương pháp tiến hành một nghiên cứu định tính cơ bản, thiết kế được đề cương nghiên cứu định tính, thu thập thông tin, phân tích xử lý thông tin và trình bày kết quả một nghiên cứu định tính; có thể kết hợp khả năng chủ động, sáng tạo, đồng thời vận động, khuyến khích đồng nghiệp phát triển nghiên cứu định tính trong lĩnh vực y học dự phòng và có thể phối hợp ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe, đánh giá chương trình/hoạt động y tế.

Học phần bao gồm: Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu định tính; Thiết kế nghiên cứu định tính; Kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng; Đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng; Phát triển bộ câu hỏi phỏng vấn; Các phương pháp và kỹ thuật thu thập dữ liệu trong nghiên cứu định tính; Phân tích và xử lý thông tin trong nghiên cứu định tính và Trình bày kết quả

trong nghiên cứu định tính

### **93. Nhân học và xã hội học sức khỏe (tự chọn)**

*Điều kiện tiên quyết: Giáo dục và nâng cao sức khỏe*

Nội dung gồm những kiến thức và khả năng phân tích các vấn đề sức khỏe và bệnh tật một cách khái quát; xác định các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình xây dựng các chương trình can thiệp của Y tế công cộng.

### **94. Thực tập cộng đồng 3**

*Điều kiện tiên quyết: Thực tập cộng đồng 2*

Sinh viên được bố trí thực tập tại các cơ sở y tế từ Trung ương tới địa phương, phù hợp với từng định hướng đã chọn. Các cơ sở y tế có thể bao gồm: các Vụ, Cục của Bộ Y tế, các viện nghiên cứu (viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Y học lao động), các Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật các tỉnh, Trung tâm Y tế huyện,....

### **95. Điều tra một vụ dịch**

*Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản*

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên Cử nhân Y tế công cộng chuyên ngành Dịch tễ học những khái niệm liên quan tới dịch bệnh, kiến thức về phòng chống, xác định, kiểm soát các vụ dịch thường xảy ra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

### **96. Quản lý dự án y tế**

*Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý y tế.*

Quản lý dự án là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến Xây dựng dự án; Tổ chức thực hiện dự án và Theo dõi, đánh giá dự án. Các kiến thức này nhằm giúp cho sinh viên có thể thực hiện được các năng lực (competences) của BS. YHDP sau khi tốt nghiệp.

### **97. Quản lý nguy cơ sinh học**

*Điều kiện tiên quyết: Vi sinh, Ký sinh trùng.*

Môn học quản lý nguy cơ sinh học (Biorisk Management) cung cấp các kiến thức về các chất sinh học gây ra mối đe dọa đến sức khỏe sinh vật sống, mà chủ yếu là con người. Bao gồm các mẫu vi sinh vật, virus hay toxin (từ một nguồn sinh học) đều có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Và cũng gồm những chất có hại cho các loài động vật khác và môi trường. Giới thiệu những thuật ngữ và biểu tượng liên quan được sử dụng như một cảnh báo, những người có khả năng tiếp xúc với các chất đó sẽ biết cách đề phòng. Môn học đưa ra giải pháp quản lý và phòng ngừa nguy cơ sinh học.

### **98. Kỹ năng mềm.**

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tầm quan trọng cũng như các cách để rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm cần thiết cho học tập và cho công việc. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về việc cần thiết phải trang bị và vận dụng các kỹ năng mềm trong học tập, làm việc và cuộc sống.

### **99. Các kỹ năng chẩn đoán cộng đồng.**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các yếu tố quyết định sức khỏe ở Việt Nam, đánh giá nhanh sự tham gia của cộng đồng (PRA), xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên và phương pháp soạn bảng câu hỏi trong điều tra cộng đồng. Nâng cao các kỹ năng quan sát, thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu và giao tiếp với người dân.

**100. Kỹ thuật y tế trường học (tự chọn).**

*Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe môi trường.*

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Y tế trường học, kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành về vệ sinh trường học, kiến thức và kỹ năng trong việc chăm sóc sức khỏe học sinh tại nhà trường; gồm 5 nội dung: Giới thiệu chung về sức khỏe trường học, Tâm-sinh lý tuổi học đường, Vệ sinh trường học, Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Chăm sóc sức khỏe học sinh.